

KÌ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2009
MÔN THI: ĐỊA LÝ; Khối C

Thời gian làm bài: 180 phút, không kể thời gian phát đề

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (8,0 điểm)

Câu I: (2,0 điểm) 1. Trình bày đặc điểm và ý nghĩa của giai đoạn Tiền Cambri trong lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ Việt Nam.

2. Chứng minh rằng nguồn lao động của nước ta phân bố không đều giữa khu vực nông thôn với khu vực thành thị. Phân tích tác động tích cực của quá trình đô thị hóa ở nước ta tới sự phát triển kinh tế.

Câu II (3,0 điểm) 1. Phân tích những thuận lợi đối với hoạt động đánh bắt thủy sản ở nước ta. Giải thích tại sao hoạt động nuôi trồng lại chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành thủy sản.

2. Trung du và miền núi Bắc Bộ bao gồm những tỉnh nào? Hãy phân tích thế mạnh về tự nhiên và hiện trạng phát triển thủy điện của vùng này.

Câu III (3,0 điểm). Cho bảng số liệu:

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA, DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở NƯỚC TA.

Đơn vị: tỉ đồng

Năm	Kinh tế Nhà nước	Kinh tế ngoài Nhà nước	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài
2000	39 206	177 744	3 461
2006	75 314	498 610	22 283

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2007, NXB Thống kê, 2008, trang 443

Anh (chị) hãy:

1. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện quy mô tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tiêu dùng và cơ cấu của nó phân theo thành phần kinh tế ở nước ta năm 2000 và năm 2006.

2. Rút ra nhận xét từ biểu đồ đã vẽ.

II. PHẦN RIÊNG (2,0 điểm).

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IV.a hoặc IV.b)

Câu IV.a Theo chương trình Chuẩn (2,0 điểm)

Tại sao vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất trong số các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta? Nêu định hướng phát triển của vùng này.

Câu IV.b Theo chương trình Nâng cao (2,0 điểm)

Tại sao Đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa lớn nhất ở nước ta hiện nay? Nêu định hướng phát triển sản xuất lương thực của vùng này.

BÀI GIẢI

PHẦN CHUNG

Câu I: 1. Trình bày đặc điểm và ý nghĩa của giai đoạn Tiền Cambri trong lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ Việt Nam.

❖ **Đặc điểm của giai đoạn Tiền Cambri:**

a. Giai đoạn cổ nhất và kéo dài nhất trong lịch sử phát triển lãnh thổ Việt Nam.

- Các đá biến chất cổ nhất ở Kon Tum, Hoàng Liên Sơn (2,5 tỉ năm)

- Diễn ra trong suốt thời gian trên 2 tỉ năm và kết thúc cách đây 542 triệu năm.

b. Chỉ diễn ra trong một phạm vi hẹp trên phần lãnh thổ nước ta hiện nay : tập trung ở khu vực núi cao Hoàng Liên Sơn và Trung Trung Bộ.

c. Các điều kiện cổ địa lý còn rất sơ khai và đơn điệu.

- Khí quyển rất loãng chủ yếu là amôniac, điôxit carbon, nitơ, hydro.....

- Nhiệt độ thấp, thủy quyển mới xuất hiện với sự tích tụ của các lớp nước → xuất hiện sự sống. Các sinh vật còn ở dạng sơ khai như tảo, động vật thân mềm.

❖ **Ý nghĩa:** là giai đoạn hình thành nền móng ban đầu của lãnh thổ nước ta.

2. Chứng minh rằng nguồn lao động của nước ta phân bố không đều giữa khu vực nông thôn với khu vực thành thị. Phân tích tác động tích cực của quá trình đô thị hóa ở nước ta tới sự phát triển kinh tế.

❖ Chứng minh lao động nước ta phân bố không đều giữa nông thôn và thành thị: Năm 2005 lao động nông thôn chiếm tỉ lệ 75% lao động của cả nước, lao động thành thị chiếm 25% lao động cả nước.

❖ Tác động tích cực của đô thị hóa của nước ta đến sự phát triển của kinh tế cả nước.

- Đô thị hóa có tác động mạnh tới hóa trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta.

- Các đô thị có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế – xã hội của các địa phương, các vùng trong nước. Năm 2005, khu vực đô thị đóng góp 70,4% GDP cả nước, 84% GDP công nghiệp-xây dựng, 87% GDP dịch vụ và 80% ngân sách Nhà nước.

- Các thành phố, thị xã là các thị trường tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa lớn và đa dạng, là nơi sử dụng đông đảo lực lượng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật; có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có sức hút đối với đầu tư trong nước và ngoài nước, tạo ra động lực cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế.

- Các đô thị có khả năng tạo ra nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động.

Câu II: 1. Phân tích những thuận lợi đối với những hoạt động đánh bắt thủy sản ở nước ta. Giải thích tại sao hoạt động nuôi trồng lại chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành thủy sản.

❖ Những thuận lợi đối với những hoạt động đánh bắt thủy sản ở nước ta:

- Nước ta có bờ biển dài 3.260 km và vùng đặc quyền kinh tế rộng khoảng 1 triệu km². Vùng biển nước ta có nguồn lợi hải sản khá phong phú. Tổng trữ lượng hải sản khoảng 3,9 – 4,0 triệu tấn, cho phép khai thác hằng năm khoảng 1,9 triệu tấn. Biển nước ta có hơn 2.000 loài cá, trong đó khoảng 100 loài có giá trị kinh tế; 1.647 loài giáp xác, trong đó có hơn 100 loài tôm, có những loài có giá trị xuất khẩu cao; nhuyễn thể có hơn 2.500 loài, rong biển hơn 600 loài. Ngoài ra còn có nhiều loại đặc sản như hải sâm, bào ngư, sò, điệp ...

- Nước ta có nhiều ngư trường, trong đó 4 ngư trường trọng điểm đã được xác định là : ngư trường Cà Mau – Kiên Giang (ngư trường vịnh Thái Lan), ngư trường Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa – Vũng Tàu, ngư trường Hải Phòng – Quảng Ninh (ngư trường vịnh Bắc Bộ) và ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

- Dọc bờ biển nước ta có những bãi triều, đầm phá, các cánh rừng ngập mặn. Đó là những khu vực thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ. Ở một số hải đảo có các rạn đá, là nơi tập trung nhiều loài thủy sản có giá trị kinh tế. Ven bờ có nhiều đảo và vụng, vịnh tạo điều kiện cho các bãi cá đẻ.

- Nước ta có nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ, ở vùng đồng bằng có các ô trũng có thể nuôi thả cá, tôm nước ngọt. Cả nước đã sử dụng hơn 850 nghìn ha diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản, trong đó 45% thuộc về hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu.

- Nhân dân ta có kinh nghiệm và truyền thống đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Các phương tiện tàu thuyền, ngư cụ được trang bị ngày càng tốt hơn. Hoạt động khai thác và nuôi trồng được thuận lợi hơn do phát triển dịch vụ thủy sản và mở rộng chế biến thủy sản.

- Cùng với sự gia tăng dân số thế giới và trong nước, nhu cầu về các mặt hàng thủy sản tăng nhiều trong những năm gần đây. Các mặt hàng thủy sản của nước ta đã thâm nhập được vào thị trường châu Âu, Nhật Bản, Hoa Kỳ ...

- Những đổi mới trong chính sách của Nhà nước đã và đang có tác động tích cực tới sự phát triển ngành thủy sản. Nghề cá ngày càng được chú trọng. Khai thác đi đôi với bảo vệ nguồn lợi và giữ vững chủ quyền vùng biển, hải đảo.

❖ Giải thích tại sao hoạt động nuôi trồng lại chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành thủy sản.

- Hoạt động nuôi trồng chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành thủy sản vì:

+ Tiềm năng nuôi trồng thủy sản vẫn còn nhiều.

+ Các sản phẩm nuôi trồng có giá trị khá cao và nhu cầu lớn trong thị trường.

+ Việc đẩy mạnh nuôi trồng sẽ đảm bảo tốt hơn nguyên liệu cho các cơ sở công nghiệp chế biến (nhất là chế biến để xuất khẩu).

+ Việc phát triển nuôi trồng thủy sản có ý nghĩa điều chỉnh đáng kể đối với sự phát triển ngành khai thác thủy sản.

2. Trung du và miền núi Bắc Bộ bao gồm những tỉnh nào? Hãy phân tích thế mạnh về tự nhiên và hiện trạng phát triển thủy điện của vùng này.

❖ Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ bao gồm các tỉnh: Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình (thuộc Tây Bắc); Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang và Quảng Ninh (thuộc Đông Bắc).

❖ Các thế mạnh về tự nhiên :

- Tài nguyên đất :

+ Đất Feralit trên đá vôi, đá phiến và các đá mẹ khác nên vùng có thế mạnh về cây công nghiệp, cây dược liệu, trồng rừng và đồng cỏ cho chăn nuôi.

+ Đất phù sa có ở dọc các thung lũng sông và các cánh đồng ở miền núi (Mường Thanh, Than Uyên, Nghĩa Lộ, Điện Biên, Trùng Khánh...) tạo cơ sở lương thực cho vùng.

- Tài nguyên khí hậu : khí hậu nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh, lại bị phân hóa sâu sắc do điều kiện địa hình, vì vậy ở vùng núi cao có khả năng phát triển các cây công nghiệp cận nhiệt đới, rau quả ôn đới và cây đặc sản. Khó khăn là thiếu nước về mùa khô, sương muối, sương giá về mùa đông.

- Tài nguyên nước :

+ Hệ thống sông Hồng chiếm hơn 1/3 tiềm năng thủy điện cả nước.

+ Giao thông thủy có thể thực hiện thuận lợi giữa vùng Trung du và Đồng bằng sông Hồng. Tuy nhiên, sông có nhiều ghềnh, thác, lại có chế độ nước chênh lệch rất lớn giữa mùa lũ và mùa cạn. Hiện tượng lũ quét ở miền núi rất nguy hiểm.

- Tài nguyên sinh vật :

+ Rừng có nhiều gỗ quý, chim thú quý.

+ Ở vùng biển Quảng Ninh có ngư trường nổi tiếng của Vịnh Bắc Bộ (Hải Phòng – Quảng Ninh) có nhiều hải sản.

- Tài nguyên khoáng sản : đây là vùng giàu tài nguyên khoáng sản nhất nước ta. Các khoáng sản chính : than, sắt, thiếc, chì, kẽm, đồng, apatit, đá vôi đất hiếm...

- Tài nguyên du lịch :

+ Tài nguyên du lịch tự nhiên rất phong phú : du lịch núi ở Lạng Sơn, Ba Bể, Sapa... du lịch biển ở Quảng Ninh. Phong cảnh vùng núi đá vôi rất độc đáo, hấp dẫn (địa hình cacxtơ)

+ Bãi tắm đẹp như bãi Cháy, Trà Cổ...vịnh Hạ Long đã được xếp vào di sản thiên nhiên thế giới.

+ Những điểm du lịch hướng về cội nguồn : Đền Hùng, Pác Bó, Tân Trào...

❖ Hiện trạng phát triển thủy điện :

- Các sông suối có trữ năng thủy điện khá lớn.

- Hệ thống sông Hồng (11 triệu kW) chiếm hơn 1/3 trữ năng thủy điện của cả nước. Riêng sông Đà chiếm gần 6 triệu kW.
- Nguồn thủy năng lớn này đã và đang được khai thác. Nhà máy thủy điện Thác Bà trên sông Chảy (110 MW). Nhà máy thủy điện Hòa Bình trên sông Đà (1.920 MW).
- Hiện nay, đang triển khai xây dựng nhà máy thủy điện Sơn La trên sông Đà (2.400 MW), thủy điện Tuyên Quang trên sông Gâm (342 MW).
- Nhiều nhà máy thủy điện nhỏ đang được xây dựng trên các phụ lưu của các sông.
- Việc phát triển thủy điện sẽ tạo ra động lực mới cho sự phát triển của vùng, nhất là việc khai thác và chế biến khoáng sản trên cơ sở nguồn điện rẻ và dồi dào. Nhưng với những công trình kỹ thuật lớn như thế, cần chú ý đến những thay đổi không nhỏ của môi trường.

Câu III : Xử lý số liệu : Quy mô tổng mức bán lẻ hàng hóa doanh thu dịch vụ tiêu dùng
CƠ CẤU TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA, DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG THEO
GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở NƯỚC TA.

(Đơn vị: %)

Năm	Kinh tế Nhà nước	Kinh tế ngoài Nhà nước	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài
2000	17,78	80,64	1,58
2006	12,63	83,63	3,74

Tổng mức bán lẻ năm 2000 = 220.411 tỉ đồng ; 2006 = 596.207 tỉ đồng

Gọi R_1 là bán kính vòng tròn thể hiện tổng mức bán lẻ năm 2000, $R_1 = 1$.

Gọi R_2 là bán kính vòng tròn thể hiện tổng mức bán lẻ năm 2006, $R_2 = \sqrt{\frac{596207}{220411}} = 1,6$

❖ Vẽ biểu đồ tròn, bán kính vòng tròn năm 2000 = 1,0 ; 2006 = 1,6.

❖ Nhận xét :

- Nhìn chung tổng mức bán lẻ doanh thu và theo các thành phần kinh tế đều tăng qua 2 năm và cơ cấu theo thành phần kinh tế không cân đối.

- Từ năm 2000 – 2006 :

+ Tổng mức bán lẻ : tăng 375.796 tỉ đồng, tăng 2,7 lần, tăng 170%.

+ Kinh tế Nhà nước : tăng 36.108 tỉ đồng, tăng 1,92 lần.

+ Kinh tế ngoài Nhà nước tăng 320.866 tỉ đồng, tăng 2,8 lần.

+ Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 18.822 tỉ đồng, tăng 6,4 lần.

- Như vậy, ta thấy khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất kể đến là khu vực ngoài Nhà nước, tốc độ tăng trưởng thấp là khu vực Nhà nước.

- Về cơ cấu theo thành phần kinh tế :

+ Chiếm tỉ trọng cao nhất và tỉ trọng tăng qua 2 năm là khu vực kinh tế ngoài Nhà nước (80,64 % ; 83,63 %)

+ Chiếm tỉ trọng cao thứ hai và tỉ trọng giảm qua hai năm nền kinh tế Nhà nước (17,78 % ; 12,63 %)

+ Chiếm tỉ trọng thấp nhất và tỉ trọng tăng qua hai năm là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (1,58% ; 3,74 %)

Nước ta xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa nên khu vực ngoài Nhà nước chiếm tỉ trọng cao và ngày càng tăng.

II. PHẦN RIÊNG

Câu IV.a Theo chương trình Chuẩn

Tại sao vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất trong số các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta? Nêu định hướng phát triển của vùng này.

❖ Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam:

Diện tích: 30,6 nghìn km², dân số 15,2 triệu người (2006) gồm 8 tỉnh và thành phố (6 tỉnh thuộc Đông Nam Bộ và 2 tỉnh Long An, Tiền Giang của Đồng bằng sông Cửu Long)

- ❖ Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất trong số các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta vì:
 - Đây là khu vực bản lề giữa Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ với Đồng bằng sông Cửu Long, tập trung đầy đủ các thế mạnh về tự nhiên, kinh tế - xã hội.
 - Tiềm năng dầu khí lớn nhất cả nước.
 - Vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất nước ta.
 - Tập trung nhiều lao động kỹ thuật cao.
 - Chiếm tỉ trọng lớn nhất về công nghiệp, giá trị xuất nhập khẩu của cả nước.
 - Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất – kỹ thuật phát triển mạnh và đồng bộ.
- ❖ Định hướng phát triển của vùng:
 - Trong những năm tới, công nghiệp vẫn sẽ là động lực của vùng với các ngành công nghiệp cơ bản, công nghiệp trọng điểm, công nghệ cao và hình thành hàng loạt khu công nghiệp tập trung để thu hút đầu tư ở trong và ngoài nước. Cùng với công nghiệp, tiếp tục đẩy mạnh các ngành thương mại, tín dụng, ngân hàng, du lịch,... cho tương xứng với vị thế của vùng.

Câu IV.b Theo chương trình Nâng cao

- ❖ Đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa lớn nhất ở nước ta hiện nay vì có các điều kiện thuận lợi:
 - Về tự nhiên:
 - + Diện tích đất nông nghiệp lớn nhất nước: 3 triệu ha/4 triệu ha đất tự nhiên (3/4 diện tích đất tự nhiên của vùng và 1/3 diện tích đất nông nghiệp của cả nước)
 - + Được phù sa bồi đắp, lại không bị con người can thiệp quá sớm (như đắp đê) nên đất đai nhìn chung màu mỡ, nhất là dải đất phù sa ngọt có diện tích 1,2 triệu ha dọc sông Tiền và sông Hậu.
 - + Khí hậu cận xích đạo, nhiệt độ và độ ẩm cao, thời tiết khí hậu tương đối ổn định.
 - + Nguồn nước dồi dào, sông ngòi kênh rạch dày đặc
 - Về kinh tế xã hội:
 - + Dân số 17,4 triệu người chiếm 20,7 % dân số cả nước (2006), lực lượng lao động đông, có nhiều kinh nghiệm sản xuất lương thực.
 - + Gần thành phố Hồ Chí Minh, có thị trường tiêu thụ sản phẩm lớn
 - + Là vựa lúa số 1 của cả nước nên được sự quan tâm đầu tư phát triển.
 - Thực trạng sản xuất lương thực của vùng:
 - + Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt 4 triệu ha (46 % cả nước) trong đó diện tích lúa 3,7 – 3,9 triệu ha (99 % diện tích lúa của vùng, 51 % diện tích lúa trong cả nước)
 - + Cơ cấu mùa vụ: hai vụ chính là lúa đông xuân và lúa hè thu, diện tích lúa mùa ngày càng giảm
 - + Năng suất lúa: 50,4 tạ/ha năm 2005
 - + Sản lượng: bình quân 17 – 19 triệu tấn/ năm (hơn 1/2 cả nước)
 - + Bình quân lương thực có hạt trên 1000 kg/người
 - + Các tỉnh trồng nhiều lúa và cũng có sản lượng lúa cao nhất là Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp và Long An.
- ❖ Định hướng phát triển sản xuất lương thực của vùng này:

Mặc dù đã là vựa lúa lớn nhất của nước ta, nhưng Đồng bằng Sông Cửu Long vẫn chưa khai thác hết tiềm năng cho việc sản xuất lương thực.

- Hiện nay, hệ số sử dụng ruộng đất còn thấp, phần lớn diện tích mới gieo trồng một vụ, ruộng gieo trồng hai vụ, ba vụ còn ít. Nếu giải quyết tốt vấn đề thủy lợi, diện tích gieo trồng sẽ tăng lên đáng kể.

- Đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn đất hoang hóa. Tuy nhiên việc khai thác đất hoang đòi hỏi phải có vốn đầu tư lớn.
- Những định hướng lớn đối với vùng này trong những năm tới tập trung vào việc thâm canh, tăng vụ kết hợp với khai hoang, chuyển dịch cơ cấu cây trồng và đẩy mạnh công việc chế biến.

Đặng Thị Chiêu Huyền
(GV Lê Hồng Phong)